

Bản án số: 90/2024/DS-ST
Ngày: 11/9/2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng và cung ứng sử dụng
dịch vụ thẻ tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hữu
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Tùng
Ông Ngô Bá Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thùy Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 11.9.2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 75/2023/TLST- DS ngày 11 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và cung ứng dịch vụ sử dụng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2024/QĐXXST-DS ngày 11/7/2024 và quyết định hoãn phiên tòa ngày 12/8/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ. Địa chỉ: Tháp B, 194 T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quảng Đ, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ Chi nhánh Đà Nẵng (Quyết định ủy quyền số 963/QĐ-BIVD ngày 25/10/2021). Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ: Bà Tôn Nữ Minh T, ông Lê Cao Nguyên S, ông Trần Anh H (Quyết định ủy quyền số 237/QĐ-BIDV.ĐN ngày 06/02/2024 của Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đà Nẵng). Cùng địa chỉ: 90 N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Bị đơn : Ông Trương Việt H, sinh năm 1999.

Hộ khẩu thường trú: Xóm T, xã N, huyện N, tỉnh N. Địa chỉ hiện tại: 1066 N, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Hiện nay đang tạm giam tại trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

- Theo đề nghị vay vốn của ông Trương Việt H, Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đà Nẵng gọi tắt là “B” và ông Trương Việt H đã ký kết các Hợp đồng tín dụng/Đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng, cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số 01/2023/11926367/HĐTD ngày 17/08/2023 với các nội dung: Số tiền cho vay 6.500.000.000 (Bằng chữ: Sáu tỷ năm trăm triệu đồng). Mục đích: Hoàn vốn tự có mua đất ở. Thời hạn cho vay: 300 tháng, kể từ ngày 18/08/2023 đến ngày 18/08/2048. Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi: Theo tháng. Phí theo qui định của BIDV trong từng thời kỳ. Lãi suất trong 12 tháng đầu: 8,9%/năm, sau 12 tháng bằng lãi suất tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau + Biên độ 4,0%/năm. Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất áp dụng tại ngày đến hạn của nợ gốc quá hạn. Lãi suất phạt nợ lãi quá hạn (lãi chậm trả) bằng 10%/năm tương ứng với thời gian chậm trả.

Trên cơ sở Hợp đồng tín dụng nêu trên, ông Trương Việt H đã thực hiện nhận nợ thông qua Bảng kê rút vốn ngày 18/08/2023 với số tiền là 6.500.000.000 đồng, số tiền gốc đã trả nợ: 86.664.000 đồng, dư nợ gốc đến hết ngày 10/09/2024: 6.413.336.000 đồng.

- Đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng số 01/2023/11926367 ngày 27/09/2023 với các nội dung cụ thể như sau: Hạn mức tín dụng: 50.000.000 (Năm mươi triệu đồng). Phí và lãi suất: Theo qui định của B trong từng thời kỳ. Dư nợ đến hết ngày 10/09/2024: 50.507.989 đồng.

Để đảm bảo cho các nghĩa vụ tại B, ông Trương Việt H thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 144, tờ bản đồ số 49, địa chỉ: Khối N, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CQ 012897, số vào sổ cấp GCN: CS 04654 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 07/5/2019 cho ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị H, chỉnh lý biến động sang tên ông Trương Việt H ngày 18.7.2023 theo Hợp đồng thế chấp số 01/2023/11926367/HĐBĐ ngày 17/08/2023. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định. Giá trị định giá tại thời điểm gần nhất (ngày 17/08/2023) là 8.917.000.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, ông Trương Việt H đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ tiền gốc, tiền lãi, lãi chậm trả theo đúng thỏa thuận tại các Hợp

đồng tín dụng/ Đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng đã ký kết. Khoản vay đã quá hạn kể từ ngày 05/01/2024.

Sau khi khách hàng phát sinh nợ quá hạn, Ngân hàng B đã nhiều lần gửi các Thông báo nợ quá hạn đến khách hàng để đôn đốc việc trả nợ. Đến nay, mặc dù Ngân hàng đã áp dụng nhiều biện pháp xử lý thu hồi nợ nhưng không thu được do khách hàng đang bị cơ quan chức năng thành phố Đà Nẵng bắt tạm giam để điều tra vì liên quan đến nghi án cho vay nặng lãi, do vậy, khách hàng đã không thể thực hiện được các cam kết đã ký với Ngân hàng.

Tính đến hết ngày 10/09/2024, tổng nợ gốc, nợ lãi bao gồm lãi trong hạn và quá hạn, lãi chậm trả của ông Trương Việt H tại Ngân hàng B là 6.896.837.654 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ, tám trăm chín mươi sáu triệu, tám trăm ba mươi bảy ngàn, sáu trăm năm mươi bốn đồng), cụ thể:

Khoản vay dài hạn tại Hợp đồng tín dụng số 01/2023/11926367/HĐTD ngày 17/08/2023 tổng cộng nợ gốc và lãi là 6.846.329.665 trong đó nợ gốc 6.413.336.000 đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn 419.530.245 đồng, lãi chậm trả đối với lãi quá hạn 13.463.420 đồng. Đối với thẻ tín dụng (Đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng số 01/2023/11926367 ngày 27/09/2023 tổng cộng nợ gốc là 50.507.989 đồng.

Do ông Trương Việt H vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay đối với B, đã xâm phạm quyền và lợi ích của Ngân hàng TMCP Đ. Vì vậy, Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc:

+ Ông Trương Việt H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ toàn bộ khoản nợ gốc và các khoản tiền lãi phát sinh tính đến hết ngày 10/09/2024 là 6.896.837.654 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ tám trăm chín mươi sáu triệu tám trăm ba mươi bảy ngàn sáu trăm năm mươi bốn đồng), nợ lãi phát sinh theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng/Đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng kể từ ngày 11/09/2024 cho đến ngày ông Trương Việt H thanh toán đầy đủ dư nợ vay cho Ngân hàng TMCP Đ.

Trường hợp ông Trương Việt H không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, yêu cầu Tòa án phát mại và xử lý tài sản bảo đảm của ông Trương Việt H là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 144, tờ bản đồ số 49, địa chỉ: Khối N, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CQ 012897, số vào sổ cấp GCN: CS 04654 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 07/5/2019 cho ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị H, chính lý biến động sang tên ông Trương Việt H ngày 18.7.2023 theo Hợp đồng thế chấp số 01/2023/11926367/HĐBĐ ngày 17/08/2023 để trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý/phát mại tài sản thế chấp không thu hồi đủ nợ, ông Trương Việt H có trách nhiệm tiếp tục trả nợ cho B cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ, tất toán khoản vay.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án đã được đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, tòa án đã tổng đạt hợp lệ nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc bị đơn trả nợ vay cho Ngân hàng, nếu không trả được nợ thì xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngân hàng TMCP Đ (gọi tắt là nguyên đơn) khởi kiện ông Trương Việt H (gọi tắt là bị đơn) phải trả tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số 01/2023/HĐTD ngày 17.8.2023 và Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 01/2023/11926367 ngày 27.9.2023. Theo hợp đồng, các đương sự thỏa thuận lựa chọn tòa án nơi có trụ sở chi nhánh của Ngân hàng TMCP Đ giải quyết tranh chấp. Nguyên đơn có địa chỉ chi nhánh tại quận H, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng về thẩm quyền.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét Hợp đồng tín dụng số 01/2023/HĐTD ngày 17.8.2023 và khoản nợ tại Đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng số 01/2023/11926367 ngày 27/09/2023 thì thấy:

[2.1] Hợp đồng tín dụng số 01/2023/HĐTD ngày 17.8.2023 ký kết giữa nguyên đơn với bị đơn thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự và quy định của Luật các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia giao dịch.

Theo thỏa thuận tại hợp đồng, số tiền ngân hàng cho ông Trương Việt H vay là 6.500.000.000 đồng. Thời hạn vay: 300 tháng kể từ ngày 18.8.2023 đến 18.8.2048. Mục đích vay: Hoàn vốn tự có mua đất ở. Hai bên thỏa thuận lãi suất trong 12 tháng đầu là 8,9%/năm. Sau 12 tháng: Bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau + Biên độ 4,0%/năm. Kỳ hạn trả gốc và lãi theo tháng. Số tiền gốc hàng tháng phải trả là 21.666.000 đồng/tháng, tiền lãi theo thực tế phát sinh trên số dư nợ. Lãi suất chậm trả là 10% tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi quá hạn trên nợ gốc bằng 150% đến hạn của nợ gốc quá hạn.

Ngày 18.8.2023, ngân hàng đã giải ngân khoản tiền vay trên cho ông Trương Việt H. Quá trình thực hiện hợp đồng ông H đã trả được 86.664.000 đồng, số tiền gốc còn nợ lại là 6.413.336.000 đồng. Ông Trương Việt H vi phạm nghĩa vụ trả gốc và lãi từ ngày 20.01.2024. Tính đến hết ngày 10.9.2024 ông Trương Việt H còn nợ tiền gốc 6.413.336.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 416.814.128 đồng, nợ lãi quá hạn là: 2.716.117 đồng, nợ lãi chậm trả là: 13.463.420 đồng. Tổng tiền gốc và lãi ông Trương Việt H còn nợ tính đến hết ngày 10.9.2024 là 6.846.329.665 đồng.

[2.2] Đối với khoản vay thẻ tín dụng số 01/2023/11926367: Ngày 27.9.2023, Ngân hàng TMCP Đ đã ký với ông Trương Việt H bản Đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng số 01/2023/11926367 với hạn mức 50.000.000 đồng. Các bên thỏa thuận phí và lãi suất theo quy định của ngân hàng trong từng thời kỳ. Quá trình sử dụng thẻ, ngày 06/10/2023 ông H sử dụng thẻ thanh toán mua hàng với tổng số tiền 49.777.000 đồng. Quá trình thanh toán sao kê hàng tháng của ông H liên tục chậm trả nên phát sinh thêm các nghĩa vụ từ lãi và phí phạt chậm trả. Tính đến hết ngày 10/09/2024, ông H đã thanh toán được số tiền 3.527.999 đồng trên tổng số tiền đã sử dụng thẻ để thanh toán mua hàng. Số dư thanh toán tiền mua hàng còn lại làm cơ sở tính lãi và phí chậm trả phát sinh là 46.249.001 đồng. Tổng tiền lãi phát sinh đến hết ngày 10/09/2024 của kỳ sao kê tháng 09/2024 là 452.353 đồng, tổng lãi và phí cộng dồn vào dư nợ (không tính lãi) của ông H là 3.806.635 đồng. Tổng số dư nợ gốc bao gồm nghĩa vụ phải trả do thanh toán tiền hàng, lãi phát sinh trên nghĩa vụ phải trả và tổng lãi và phí cộng dồn vào dư nợ là 50.507.989 đồng.

[3] Do ông Trương Việt H vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01 ngày 17.8.2023, bản các Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng tại ngân hàng. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trương Việt H phải thanh toán cho Ngân hàng B tổng số

tiền theo hợp đồng tín dụng số 01 ngày 17.8.2023 tính đến hết ngày 10.9.2024 là: 6.846.329.665 đồng trong đó nợ gốc 6.413.336.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 416.814.128 đồng, nợ lãi quá hạn là: 2.716.117 đồng, nợ lãi chậm trả là: 13.463.420 đồng và 50.507.989 đồng đối với khoản vay thẻ tín dụng số 01/2023/11926367, tổng cộng là 6.896.837.654 đồng.

Kể từ ngày 11.9.2024 ông Trương Việt H phải tiếp tục trả cho Ngân hàng BIDV các khoản nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 01 ngày 17.8.2023 và hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 27.9.2023 cho đến khi tất toán khoản vay.

[4] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Để bảo đảm cho ông Trương Việt H đối với hai khoản vay tại hợp đồng tín dụng số 01/2023/HĐTD ngày 17.8.2023 và khoản vay tại Đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng số 01/2023/11926367 ngày 27/09/2023, ông Trương Việt H đã dùng tài sản là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 144, tờ bản đồ số 49, địa chỉ: Khối N, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CQ 012897, số vào sổ cấp GCN: CS 04654 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 07/5/2019 cho ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị H, chỉnh lý biến động sang tên ông Trương Việt H ngày 18.7.2023 để thế chấp cho ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp số 01/2023/11926367/HĐBĐ ngày 17/08/2023, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm, đăng ký thế chấp.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng thế chấp tài sản trên có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật. Tại Biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16.5.2024, hiện trạng của tài sản thế chấp không có gì thay đổi so với thời điểm thế chấp.

Căn cứ các Điều 295, Điều 298, Điều 299, Điều 323 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, trong trường hợp ông Trương Việt H không thanh toán nợ cho Ngân hàng thì tài sản bảo đảm được xử lý để thu hồi nợ.

[5] Về án phí và các chi phí tố tụng khác:

[5.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng theo quy định.

[5.2] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 4.000.000 đồng ông Trương Việt H phải chịu. Ngân hàng TMCP Đ đã chi nên buộc ông Trương Việt H phải hoàn trả 4.000.000 đồng cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng cung ứng sử dụng dịch vụ thẻ tín dụng” của Ngân hàng TMCP Đ đối với ông Trương Việt H.

Tuyên xử :

1. Buộc ông Trương Việt H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 10.9.2024 theo hợp đồng tín dụng số 01 ngày 17.8.2023 là 6.846.329.665 đồng trong đó nợ gốc 6.413.336.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 416.814.128 đồng, nợ lãi quá hạn là: 2.716.117 đồng, nợ lãi chậm trả là: 13.463.420 đồng; 50.507.989 đồng đối với khoản nợ tại Đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng số 01/2023/11926367 ngày 27/09/2023; tổng cộng 6.896.837.654 (Sáu tỷ tám trăm chín mươi sáu triệu, tám trăm ba mươi bảy nghìn, sáu trăm năm mươi bốn) đồng.

Kể từ ngày 11.9.2024, ông Trương Việt H phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP Đ các khoản nợ, lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01/2023/HĐTD ngày 17.8.2023 và Đăng ký kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng số 01/2023/11926367 ngày 27/09/2023 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho ngân hàng TMCP Đ.

3. Trường hợp ông Trương Việt H không trả tiền hoặc trả tiền không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 144, tờ bản đồ số 49, địa chỉ: Khôi N, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CQ 012897, số vào sổ cấp GCN: CS 04654 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 07/5/2019 cho ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị H, chính lý biến động sang tên ông Trương Việt H ngày 18.7.2023.

4. Về án phí và chi phí tố tụng:

Ông Trương Việt H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 114.896.837 (Một trăm mười bốn triệu, tám trăm chín mươi sáu nghìn, tám trăm ba mươi bảy) đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí 57.263.886 (Năm mươi bảy triệu, hai trăm sáu mươi ba nghìn, tám trăm tám mươi sáu) đồng theo biên lai thu số 0299 ngày 07.3.2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Đà Nẵng.

5. Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 4.000.000 (bốn triệu đồng) ông Trương Việt H phải chịu. Ngân hàng TMCP Đ đã chi nên buộc ông Trương Việt H phải hoàn trả 4.000.000 đồng cho Ngân hàng TMCP Đ.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hải Châu;
- Các đương sự;
- Chi cục THA DS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Hữu

